CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Cao su Sao vàng

Ngày 31/03/2024	28,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.8%	**-0.7%**	**45.5%**

DT thuần
Q1/24
175
tỷ VNĐ
QoQ: ▼313| -64.2%
YoY: ▼27.0| -13.4%

LN thuần
Q1/24
4.21
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.0| -75.5%
YoY: ▲ 0.03| 0.7%

LN sau thuế
Q1/24
3.35
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.75| -74.4%
YoY: ▼0.70| -17.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/24
4.7%
YoY: +/-▲ 0.5%

ROE (TTM)
Q1/24
6.4%
YoY: +/-▼ 0.2%

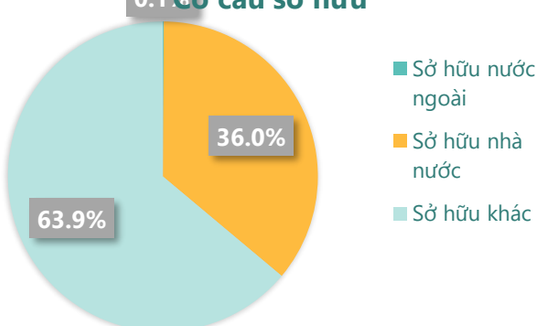
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	17,209 - 32,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	808
Số lượng CPLH (CP)	28,063,368
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,565
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.36
EPS	1,023
P/E	28.2

DT thuần
2023
1,198
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 283| 30.9%

LN thuần
2023
37.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.30| 9.6%

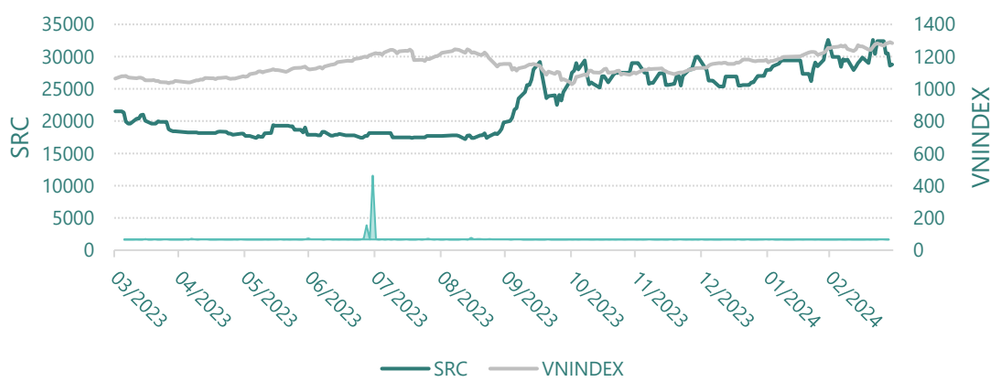
LN sau thuế
2023
29.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.70| 6.0%

Cơ cấu sở hữu

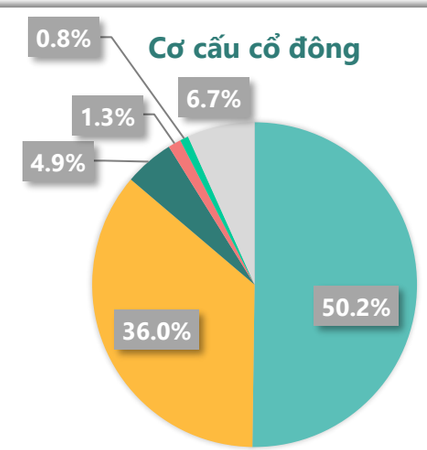


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

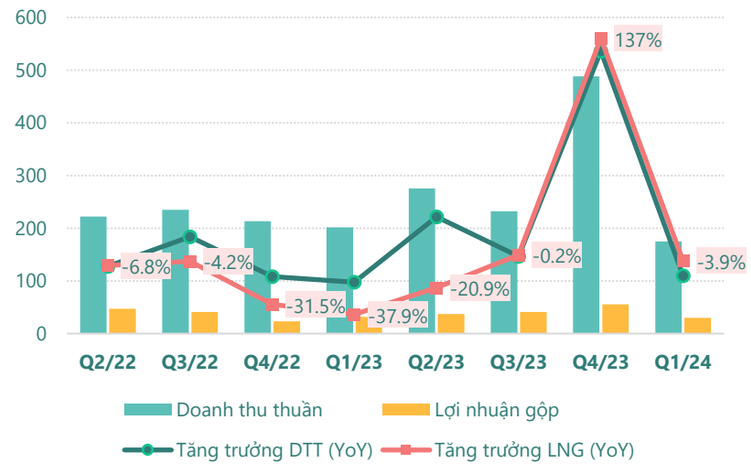


CTCP Tập đoàn Hoành Sơn
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Nguyễn Tiến Ngọc
Hồ Viết Hùng
Công đoàn CTCP Cao su Sao vàng
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

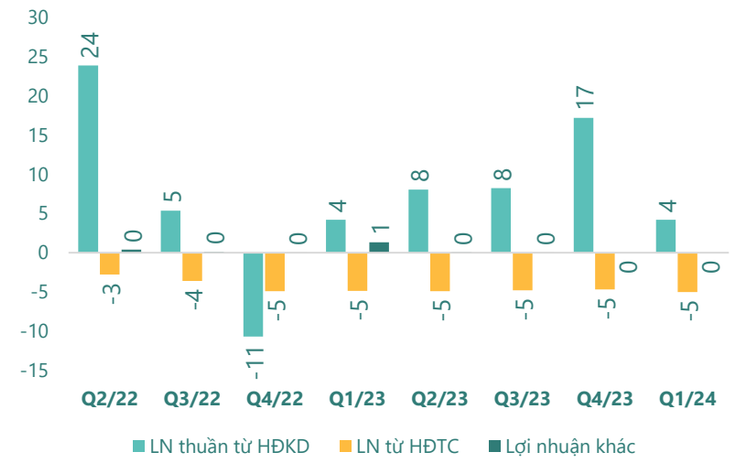
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



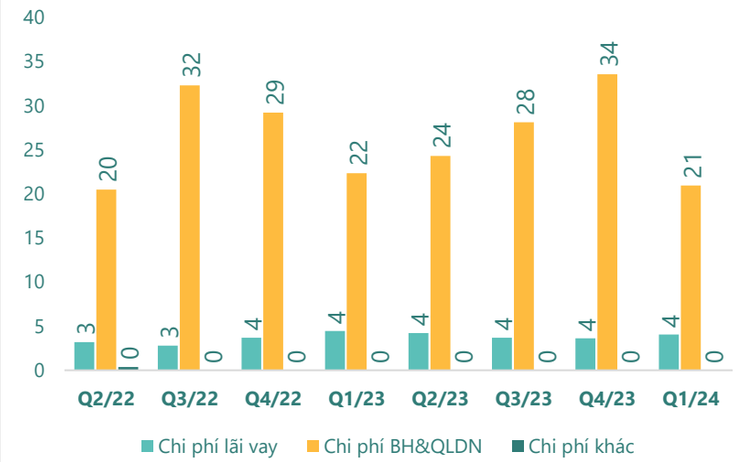
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



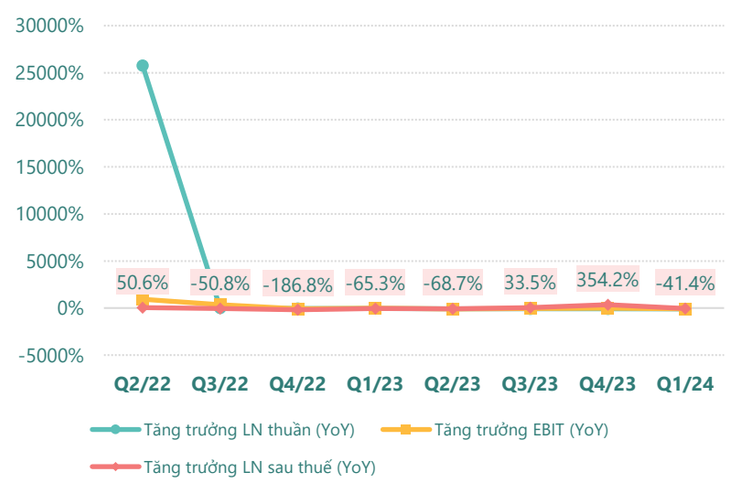
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



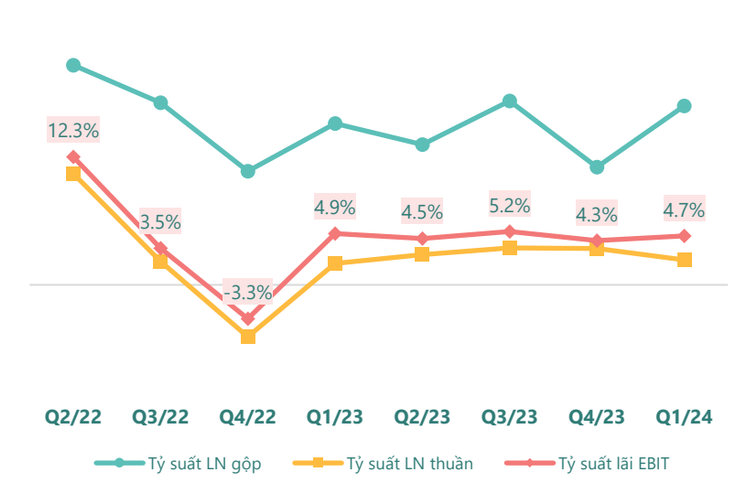
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



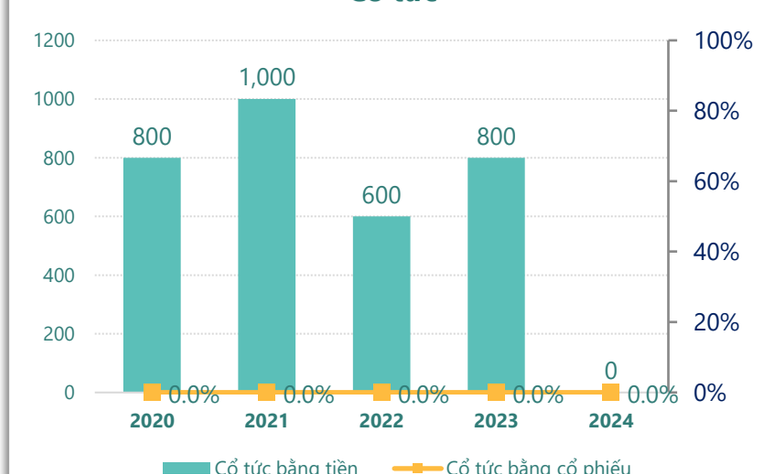
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

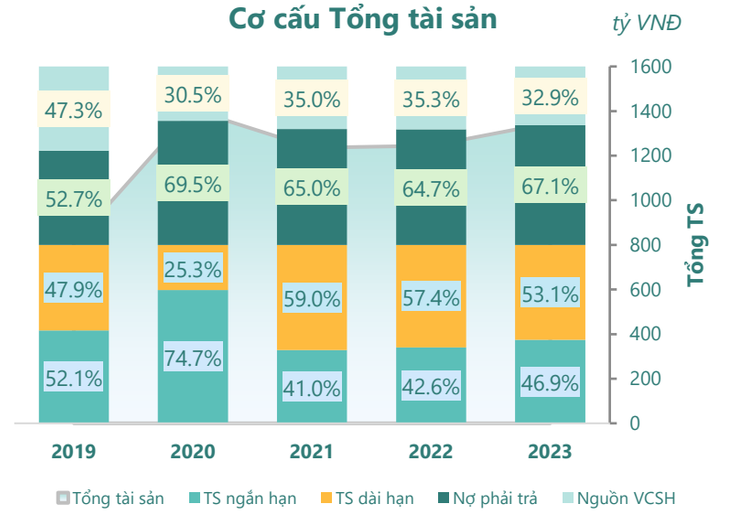
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

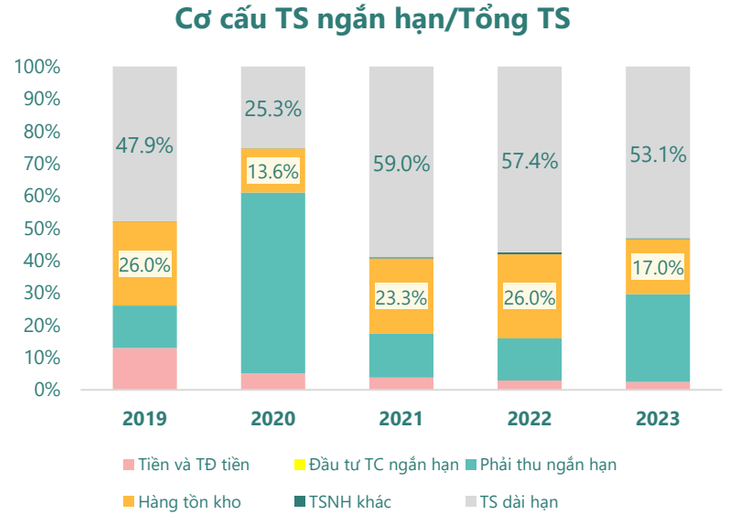
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



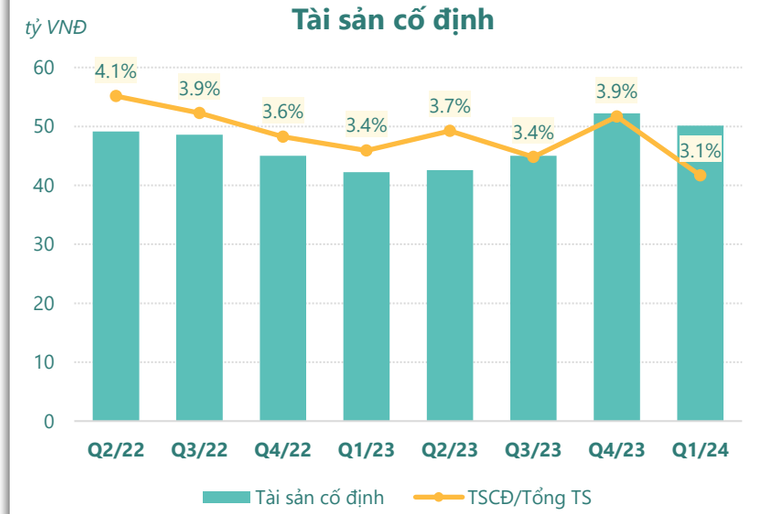
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



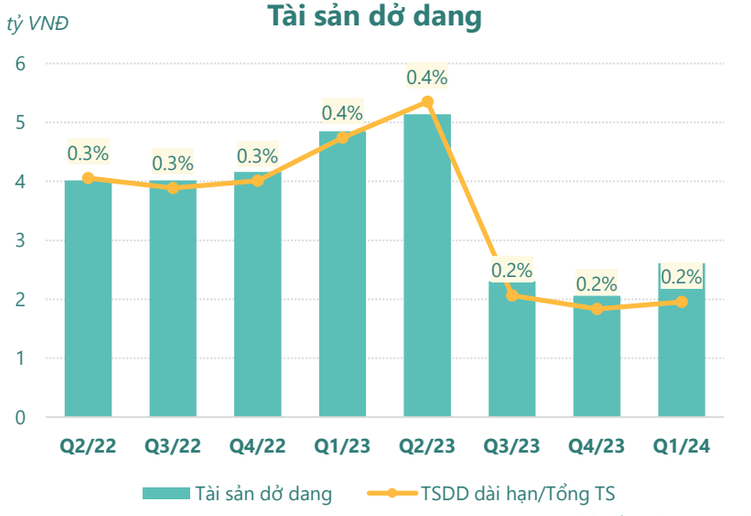
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



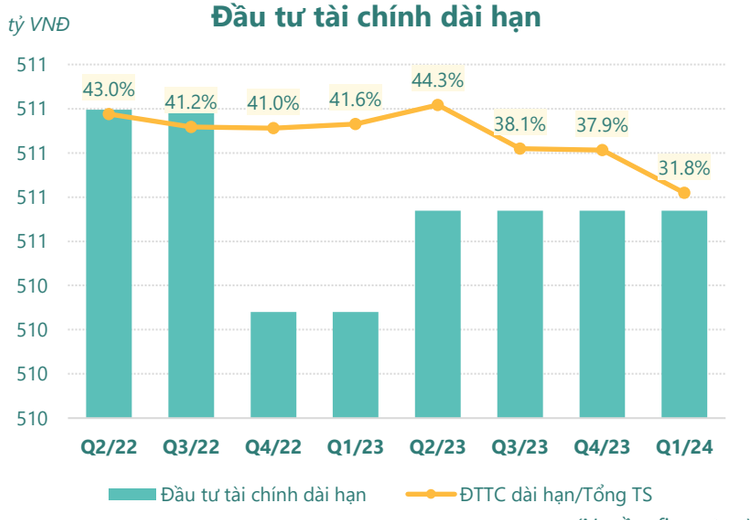
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



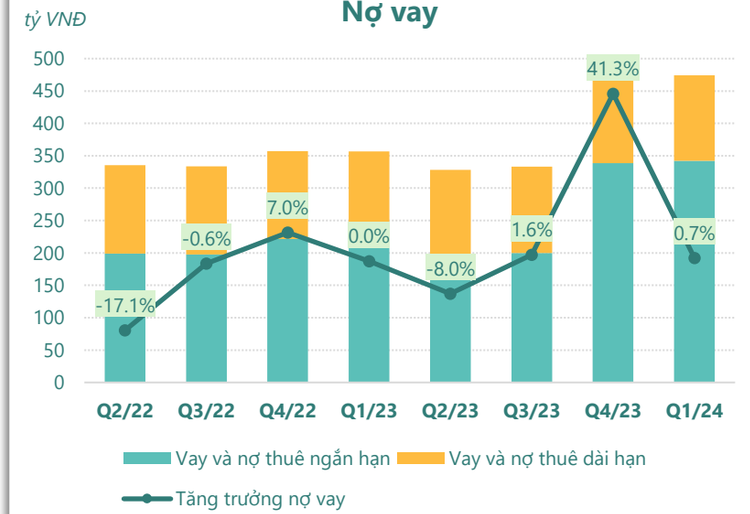
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

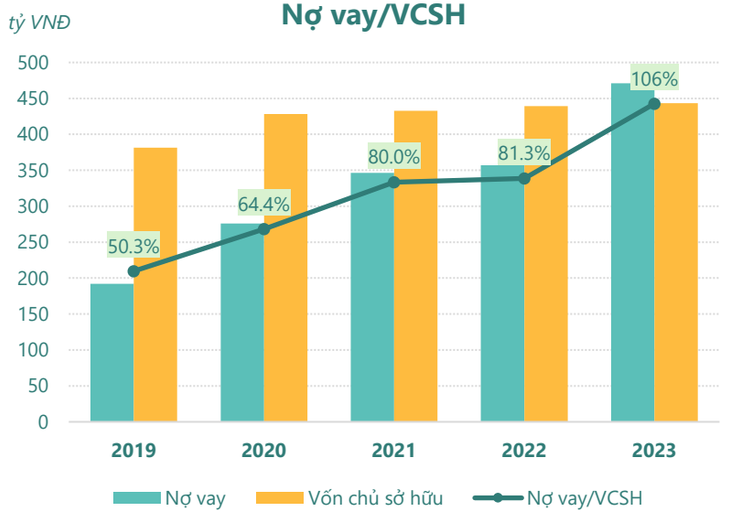
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

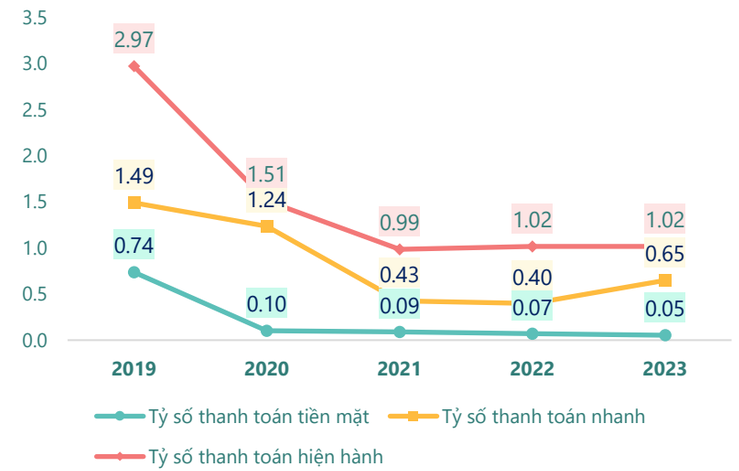
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



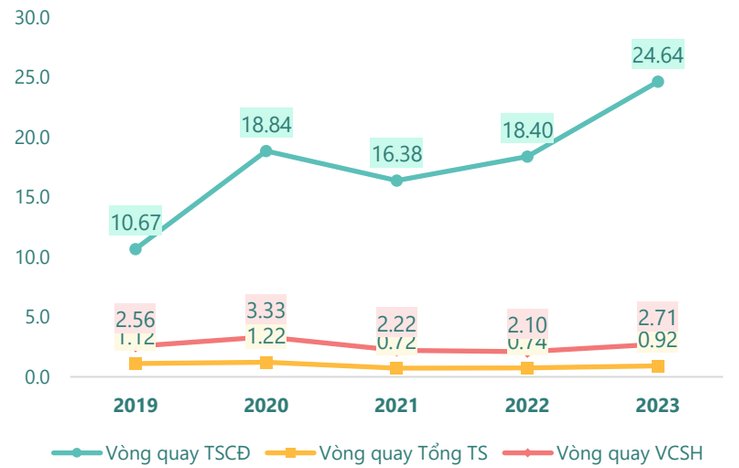
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



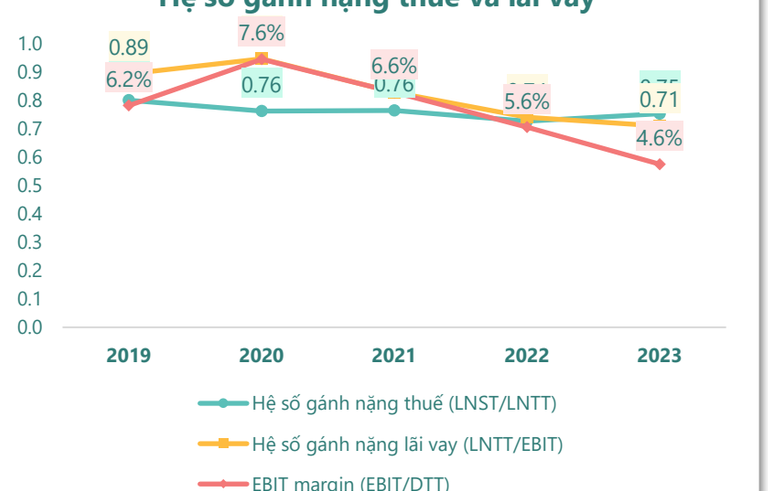
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



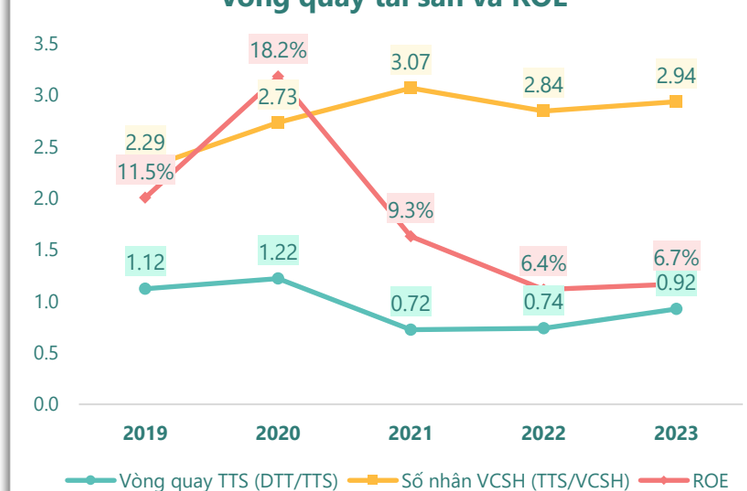
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



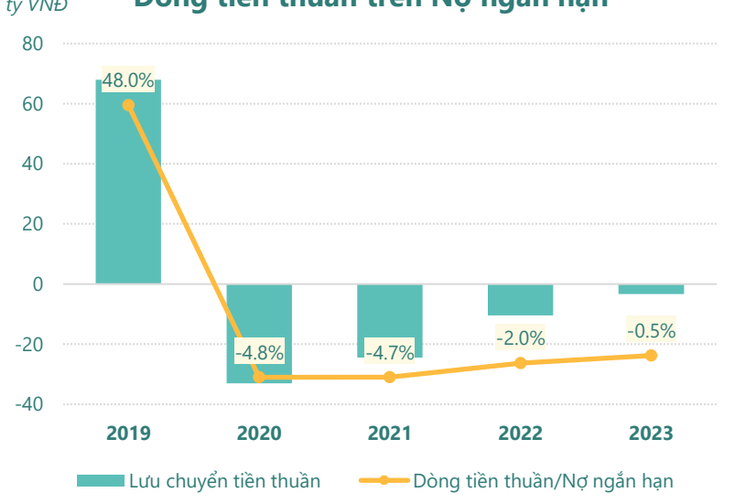
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**175**	**202**	**-13.4%**	**1,198**	**915**	**30.9%**
Giá vốn hàng bán	145	170	-14.9%	1,032	753	37.1%
Lợi nhuận gộp	30.2	31.4	-3.9%	165	162	1.8%
Doanh thu HĐTC	0.31	0.43	-26.8%	1.65	1.57	4.8%
Chi phí TC	5.32	5.29	0.6%	21.0	16.8	24.7%
Chi phí lãi vay	4.04	4.46	-9.3%	16.0	13.4	19.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	6.85	7.28	-6.0%	33.7	45.3	-25.7%
Chi phí QLDN	**14.1**	**15.0**	**-6.0%**	**74.7**	**67.4**	**10.7%**
LN thuần từ HĐKD	4.21	4.18	0.7%	37.7	34.4	9.6%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**1.34**	**-100%**	**1.40**	**3.84**	**-63.6%**
LN trước thuế	4.21	5.52	-23.7%	39.1	38.2	2.3%
Lợi nhuận sau thuế	**3.35**	**4.05**	**-17.3%**	**29.4**	**27.7**	**6.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.35**	**4.05**	**-17.3%**	**29.4**	**27.7**	**6.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-8.42	-9.87	42.4	28.2	-143	201
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.51	-0.15	-0.22	-2.75	-9.91	-137
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	18.0	0.01	-28.9	-17.2	138	2.49
Tiền đầu kỳ	29.4	36.4	26.3	39.6	47.9	33.1
Lưu chuyển tiền thuần	**7.03**	**-10.0**	**13.2**	**8.32**	**-14.8**	**66.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.05	-0.04	0.05	0.01	-0.03	0.01
Tiền cuối kỳ	36.4	26.3	39.6	47.9	33.1	99.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,604**	**1,347**	**19.1%**
Tài sản ngắn hạn	891	631	41.1%
Tiền và tương đương tiền	99.6	33.1	201%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	493	366	34.8%
Hàng tồn kho	297	229	29.8%
Tài sản ngắn hạn khác	1.19	3.39	-64.9%
Tài sản dài hạn	**713**	**716**	**-0.4%**
Phải thu dài hạn	6.51	6.51	0.0%
Tài sản cố định	50.1	52.2	-4.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.61	2.06	26.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	511	511	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**143**	**144**	**-0.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,157	903	28.1%
Nợ ngắn hạn	**875**	**621**	**40.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	342	338	1.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	157	93.5	67.6%
Nợ dài hạn	282	282	-0.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	132	133	-0.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**447**	**443**	**0.8%**
Vốn chủ sở hữu	**447**	**443**	**0.8%**
Vốn điều lệ	281	281	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)